**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,**

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG**

**ĐẶC SAN**

**TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT**

**Số: 03/2017**

**CHỦ ĐỀ**

**CÁC TỘI PHẠM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

**(PHẦN II)**

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

1. TS. Vũ Hải Anh - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

2. ThS. Lưu Hải Yến - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

3. ThS. Nguyễn Thị Mai - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

4. ThS. Nguyễn Thành Long - Khoa pháp luật hình sự - Trường Đại học luật Hà Nội

**HÀ NỘI - NĂM 2017**

**I.** C**ÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;

+) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 500 kilôgam đến dưới 1.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại khác nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

+) Xả thải ra môi trường từ 500 mét khối (m3) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 300 mét khối (m3) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

+) Xả thải ra môi trường 500 mét khối (m3) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 300 mét khối (m3) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100 mét khối (m3) trên ngày đến dưới 300 mét khối (m3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

+) Thải ra môi trường từ 150.000 mét khối (m3) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m3) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

+) Thải ra môi trường 150.000 mét khối (m3) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 100.000 mét khối (m3) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 50.000 mét khối (m3) trên giờ đến dưới 100.000 mét khối (m3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

+) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 100.000 kilôgam đến dưới 200.000 kilôgam hoặc từ 70.000 kilôgam đến dưới 100.000 kilôgam nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

+) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều từ 50 milisivơ (mSv) trên năm đến dưới 200 milisivơ (mSv) trên năm hoặc giá trị suất liều từ 0,0025 milisivơ (mSv) trên giờ đến dưới 0,01 milisivơ (mSv) trên giờ.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Phạm tội thuộc các trường hợp nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tiền đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù đến 07 năm

- Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng;đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

- Hình phạt bổ sung: pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

**2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điêu 236 BLHS năm 2015)**

**-** Chủ thể tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có thẩm quyền trong việc quản lý chất thải nguy hại.

- Hành vi phạm tội: cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo[202](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx#_ftn202) Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm dưới trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì người phạm tội bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù đến 10 năm.

- Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**3. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: là người có trách nhiệm trong việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; pháp nhân thương mại.

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường;

+) Vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội thuộc các trường hợp nghiêm trọng hơn, người phạm tội bị phạt tiền từ 500.000. 000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù đến 10 năm.

- Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;

đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

* Hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại: có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000. 000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

**4. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội: đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật

+) Đưa từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;

+) Đưa từ 70.000 kilôgam đến dưới 170.000 kilôgam chất thải khác.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 10 năm.

- Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tộithì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng;đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

- Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

**5. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội cụ thể: làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người dưới hình thức:

+) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

+) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người;

+) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**6. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

+) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật thuộc diện kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch;

+) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

Các hành vi này làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**7. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản;

+) Khai thác thủy sản trong khu vực cấm hoặc trong khu vực cấm có thời hạn;

+) Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật này;

+) Phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Vi phạm quy định khác của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Hành vi nói trên gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến

5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

- Hình phạt bổ sung: pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

**8. Tội hủy hoại rừng (Điều 243 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể: đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m2) đến dưới 50.000 mét vuông (m2);

+) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 10.000 mét vuông (m2);

+) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m2) đến dưới 7.000 mét vuông (m2);

+) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m2) đến dưới 3.000 mét vuông (m2);

+) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích;

+) Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

+) Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tộibị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 03 năm đến 15 năm.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến

7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

* Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

**9. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể:vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

+) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;

+) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam;

+) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác;

+) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này;

+) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

- Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

**10. Tội vi phạm****quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể: vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

+) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m2) đến dưới 500 mét vuông (m2);

+) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến

3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

- Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

**11. Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246 BLHS năm 2015)**

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự; pháp nhân thương mại

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc trong trường hợp vật phạm pháp trị giá dưới 250.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm;

+) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm.

- Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

**IV. CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TUÝ**

**1. Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma tuý (Điều 247 BLHS)**

Hành vi của người phạm tội là hành vi trồng các loại cây bao gồm: cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma tuý do Chính phủ quy định. Hiện nay, đã xuất hiện một số loại cây mới có chứa chất ma tuý ngoài cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa, chẳng hạn như cây lá Khat, Cát đằng, cây Cacao, cây Ma hoàng, nho Nam Mỹ, Xương rồng Peru, Hoa Khổ ngải, Cỏ mơ, Nấm Amanita… Tuy nhiên, chỉ những cây nào có chứa chất ma tuý thuộc danh mục cấm do Chính phủ ban hành mới bị xử lí hình sự. Ví dụ: cây lá KHAT có chứa chất Cathinone thuộc Danh mục I - Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Hành vi trồng các đối tượng nói trên được hiểu là hành vi gieo trồng, chăm bón hoặc thu hoạch. Người phạm tội có thể tham gia thực hiện cả quá trình trồng cây từ việc làm đất, gieo trồng, chăm bón rồi thu hoạch. Tuy nhiên cũng có thể có trường hợp người phạm tội chỉ tham gia vào một khâu, một công đoạn trong quá trình trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy miễn sao mục đích mà họ hướng tới là nhằm trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy.

Hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma tuý nêu trên chỉ bị xử lí hình sự trong ba trường hợp sau đây:

- Thứ nhất, người có hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma tuý đã từng được cơ quan có thẩm quyền vận động, thuyết phục, nhắc nhở, yêu cầu chấm dứt việc trồng cây và phá bỏ cây đã trồng, hoặc phổ biến đường lối, chính sách, quy định của pháp luật 02 lần. Đồng thời, người trồng cây đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống như được Nhà nước hỗ trợ về tiền vốn, kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi hoặc đã được hướng dẫn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt các loại cây khác như cây ăn quả, cây lương thực… để thay thế các loại cây có chứa chất ma túy mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trồng các loại cây trên.

- Thứ hai, người thực hiện hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma tuý mà trước đó đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích thì cũng phải chịu TNHS về tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma tuý.

- Thứ ba, người phạm tội đã thực hiện hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma tuý với số lượng từ 500 cây trở lên. Trong các trường hợp này, người phạm tội sẽ bị xử phạt theo khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 247 là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nếu số lượng cây được trồng từ 3.000 cây trở lên, hoặc thực hiện việc trồng cây “có tổ chức” hay thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì người phạm tội sẽ bị xử lí theo khung hình phạt tang nặng được quy định tại khoản 2 Điều 247 là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Trong trường hợp “người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự” (khoản 4 điều 247). Quy định mới này vừa thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, vừa thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với những người có hành vi trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy.

Theo quy định tại Điều 247 người tử đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS khi thực hiện các hành vi được mô tả sẽ phải chịu TNHS nếu thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước cấm nhưng vẫn thực hiện hành vi đó.

**2. Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248 BLHS)**

Hành vi phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Đối tượng tác động của tội phạm này là các chất ma túy, tiền chất ma túy. Tiền chất ma túy là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong các danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành.

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào. Sản xuất chất ma tuý được hiểu là những hành vi tham gia vào bất kỳ một công đoạn nào của quá trình tạo ra chất ma túy. Quá trình này có thể gồm nhiều công đoạn khác nhau và được tiến hành với các phương pháp, quy trình cũng như với các phương tiện, thiết bị khác nhau. Sản xuất ma tuý có thể được thực hiện với các phương pháp như:

- Chiết xuất ma tuý được hiểu là tách lấy tinh chất ma tuý từ thảo mộc hoặc từ hỗn hợp chất bằng những phương pháp khác nhau. Chẳng hạn như chiết quả thuốc phiện để thu hỗn hợp nhựa rồi sau đó chế biến thành thuốc phiện.

- Điều chế chất ma tuý là tạo ra chất ma tuý mới từ những chất đã có. Đó có thể là quá trình tinh lọc các chất ma túy hoặc tổng hợp ra các chất ma túy từ tiền chất ma túy đã có,…

- Pha chế ma tuý là quá trình pha trộn các chất theo tỷ lệ hoặc theo công thức nhất định để tạo ra hỗn hợp ma tuý nhất định để tạo ra chế phẩm có chứa chất ma túy ở thể rắn hay lỏng…

Theo quy định tại Điều 248, hành vi khách quan của tội phạm được mô tả là hành vi sản xuất trái phép, tức là sản xuất trái với quy định của Nhà nước. Sản xuất ma tuý được Nhà nước độc quyền và chỉ giao cho những cơ sở nhất định tiến hành sản xuất một số chất ma túy phục vụ cho các mục đích chung như sản xuất thuốc chữa bệnh,... Mọi hành vi sản xuất chất ma tuý ngoài các cơ sở được cấp phép hoặc mặc dù được cho phép nhưng đã sản xuất không đúng quy định đã được cấp phép đều được xác định là trái phép.

Chủ thể của tội sản xuất trái phép chất ma túy là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi được mô tả trong Điều 248. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể phải chịu TNHS về tội này nếu thực hiện hành vi phạm tội thoả mãn quy định tại khoản 2, 3, 4 của Điều luật. Người phạm tội sản xuất trái phép chất ma tuý có lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện tội phạm, họ nhận thức rõ hành vi sản xuất trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện những hành vi đó.

Ngoài khung hình phạt cơ bản thuộc khoản 1 với mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, Điều 248 còn quy định 3 khung hình phạt tăng nặng:

Khung hình phạt thuộc khoản 2, phạt tù từ 07 năm đến 15 năm khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng: Có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; Nhựa thuộc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dười 01 kilôgam; Hêrôin, côcain hoặc Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 200 mililít; Tái phạm nguy hiểm; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm d đến điểm h khoản này.

Khung hình phạt thuộc khoản 3, phạt tù từ 15 năm đến 20 năm khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau đây: Có tính chất chuyên nghiệp (được hiểu là người phạm tội đã nhiều lần sản xuất ma túy và lấy việc sản xuất ma túy làm nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính của bản thân và gia đình); Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam; Hêrôin, côcain hoặc Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililít đến dưới 750 mililít; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản này.

Khung hình phạt thuộc khoản 4, phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau đây: Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao coca có khối lượng từ 05 kilôgam trở lên; Hêrôin, Côcain Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 100 gam trở lên; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam trở lên; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililít trở lên; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.

Ngoài hình phạt chính được quy định từ khoản 1 đến khoản 4, người sản xuất trái phép chất ma tuý còn có thể bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung bao gồm: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**3. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249 BLHS)**

Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý xâm phạm chế độ quản lý của các chất ma tuý của Nhà nước. Đối tượng tác động của tội phạm là ma tuý có thể bao gồm: lá thân, rễ, cây cần sa, quả cây thuốc phiện tươi, khô…

Hành vi khách quan của tội phạm được mô tả trong điều luật là hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý. Theo đó, hành vi tàng trữ tàng trữ trái phép chất ma tuý được hiểu là cất, giữ, giấu bất hợp pháp chất ma tuý ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, trong hành lí, cất giấu trong quần áo mặc trên người…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma tuý.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý chỉ bị truy cứu TNHS nếu thoả mãn một trong số các tình tiết được quy định từ điểm a đến điểm i khoản 1 Điều 249. Các tình tiết này phần lớn quy định dấu hiệu về định lượng các chất ma tuý. Ngoài ra, cũng bị xử lí hình sự về tội phạm này nếu người phạm tội “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”.

Chủ thể của tội tàng trữ trái phép chất ma tuý là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi được mô tả trong Điều 249. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể phải chịu TNHS về tội này nếu thực hiện hành vi phạm tội thoả mãn quy định tại khoản 2, 3, 4 của Điều luật. Người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma tuý có lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện tội phạm, họ nhận thức rõ hành vi cất giấu, giữ ma tuý của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện những hành vi đó.

Điều 249 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1: Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

- Khung 2: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm o khoản 2.

- Khung 3: Quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**4. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250 BLHS)**

Hành vi khách quan của tội phạm được mô tả là hành vi vận chuyển chất ma tuý một cách trái phép. Vận chuyển trái phép chất ma tuý được hiểu là việc chuyển dịch bất hợp pháp chất ma tuý từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào (có thể bằng các phương tiện giao thông như ô tô, máy bay, tàu hoả…, có thể bằng đường bưu điện…, người phạm tội có thể để ma tuý vào trong người, cho vào túi áo, túi quần, nuốt vào trong bụng, để trong hành lý như vali, túi xách,v.v…).

Hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý chỉ bị truy cứu TNHS nếu thoả mãn một trong số các tình tiết được quy định từ điểm a đến điểm i khoản 1 Điều 250. Các tình tiết này phần lớn quy định dấu hiệu về định lượng các chất ma tuý. Ngoài ra, cũng bị xử lí hình sự về tội phạm này nếu người phạm tội “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”.

Chủ thể của tội vận chuyển trái phép chất ma tuý là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi được mô tả trong Điều 250. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể phải chịu TNHS về tội này nếu thực hiện hành vi phạm tội thoả mãn quy định tại khoản 2, 3, 4 của Điều luật. Người phạm tội vận chuyển trái phép chất ma tuý có lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện tội phạm, họ nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện những hành vi đó.

Điều 250 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

- Khung 2: Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm p khoản 2. Trong đó cần lưu ý điểm đ khoản 2 quy định tình tiết “sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội” được hiểu là việc người phạm tội sử dụng trẻ em dưới 14 tuổi để vận chuyển ma tuý hoặc sử dụng trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi nhưng không phải là đồng phạm với người phạm tội vận chuyển.

- Khung 3: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**5. Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251 BLHS)**

Hành vi khách quan của tội phạm được mô tả là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hiểu là:

- Hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác;

- Hành vi mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Hành vi xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Hành vi dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có);

- Hành vi dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán… lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác;

- Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Hành vi vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác.[[1]](#footnote-2)

Chủ thể của tội mua bán trái phép chất ma túy là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội này nếu thực hiện một trong các hành vi được quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 251. Người phạm tội mua bán trái phép chất ma tuý thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, họ nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội những vẫn mong muốn thực hiện những hành vi đó.

Điều 251 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1. Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áo dụng đối với người phạm tội thuộc khoản 1.

- Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội theo khoản 2. Trong đó, điểm e khoản 2 “sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi”. Việc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi cần phân biệt rõ, nếu người phạm tội bán cho người đủ 14 đến dưới 16 tuổi mà những người này bị truy cứu TNHS với vai trò đồng phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy thì người phạm tội không bị coi là tình tiết tặng định khung hình phạt theo khoản 2 Điều này. Nếu người dưới 16 tuổi không bị coi là đồng phạm họ mua để sử dụng hoặc bị truy tố về tội phạm khác thì người bán ma túy phải chịu TNHS về tình tiết “bán ma túy cho người dưới 16 tuổi”.

- Khung 3. Quy định hình phạt tù từ 15 đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tặng nặng thuộc khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tặng nặng thuộc khoản 4.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**6. Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252 BLHS)**

Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi chiếm đoạt chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào như trộm cắp, lừa đảo, tham ô, lạm dụng tín nhiệm, cưỡng đoạt, cướp, cướp giật, công nhiên… chiếm đoạt chất ma túy của người khác.

Hành vi chiếm đoạt chất ma tuý chỉ bị truy cứu TNHS nếu thoả mãn một trong số các tình tiết được quy định từ điểm a đến điểm i khoản 1 Điều 252. Các tình tiết này phần lớn quy định dấu hiệu về định lượng các chất ma tuý. Ngoài ra, cũng bị xử lí hình sự về tội phạm này nếu người phạm tội “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 250 và 251 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”

Chủ thể của tội chiếm đoạt chất ma túy là từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS, người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội này nếu thực hiện hành vi phạm tội theo khoản 2, 3, 4 Điều 252. Tội phạm này được người phạm tội thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, họ nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi đó.

Hình phạt được quy định tại Điều 252 bao gồm 4 khung hình phạt chính được quy định từ khoản 1 đến khoản 4:

- Khoản 1: người phạm tội phải chịu mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

- Khoản 2: hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm o khoản 2.

- Khoản 3: hình phạt tù từ 15 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm tội bao gồm: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**7. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 253 BLHS)**

Điều 253 BLHS năm 2015 quy định bốn tội phạm trong cùng một điều luật bao gồm: Tội tàng trữ tàng chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy; Tội vận chuyển tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; Tội mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy và Tội chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt được hiểu tương tự như đối với các tội phạm được quy định tại Điều 249, 250, 251, 252 chỉ khác ở đối tượng tác động của tội phạm. Đối tượng tác động của tội phạm là các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Tiền chất ma tuý là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.[[2]](#footnote-3)

Theo quy định tại Điều 253 khoản 1, điều kiện để truy cứu TNHS đối với người có hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy là thoả mãn mức định lượng tối thiểu đối với tiền chất, cụ thể khối lượng từ 50 gam đến dưới 200 gam đối với tiền chất ở thể rắn, từ 75 mililít đến dưới 300 mililít đối với tiền chất ở thể lỏng. Ngoài ra, nếu người phạm tội “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” cũng phải chịu TNHS về tội phạm được quy định tại Điều 253.

Chủ thể của tội phạm theo quy định này là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về tội này nếu phạm tội thuộc khoản 2, 3, 4 của điều luật. Người phạm tội này có lỗi cố ý trực tiếp, họ hoàn toàn nhận thức rõ hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi đó.

Hình phạt quy định tại Điều 253 bao gồm 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1: phạt tù từ 01 năm đến 06 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết thuộc khoản 1.

- Khung 2: phạt tù từ 06 năm đến 13 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 2.

- Khung 3: phạt tù từ 13 năm đến 20 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 3.

- Khung 4: phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một trong số các hình phạt bổ sung là: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**8. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 254 BLHS)**

Điều 254 BLHS năm 2015 quy định về bốn tội phạm trong cùng một điều luật bao gồm: Tội tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; Tội vận chuyển dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; Tội mua bán dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy và Tội sản xuất dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt được hiểu tương tự như đối với các tội phạm được quy định tại Điều 249, 250, 251, 252 chỉ khác ở đối tượng tác động của tội phạm. Đối tượng tác động của các tội phạm này là các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Đây là những vật được sản xuất ra chuyên dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy hay được sử dụng vào mục đích sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy mặc dù được sản xuất ra với mục đích khác chẳng hạn như máy dập viên nén được người phạm tội dùng vào việc dập viên ma tuý tổng hợp, ống thuỷ tinh, ống hút được người phạm tội dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma tuý,...

Theo quy định tại Điều 254, điều kiện truy cứu TNHS đối với người có hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy là “có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng các loại hoặc khác loại”. Ngoài ra, nếu người phạm tội “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” cũng phải chịu TNHS về tội phạm được quy định tại Điều 254.

Chủ thể của tội phạm này là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội được mô tả với lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức rõ những phương tiện, dụng cụ mình sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán sẽ được dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi.

Điều 254 BLHS 2015 quy định 2 khung hình phạt chính:

- Khung 1: Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 06 năm đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1.

- Khung 2: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**9. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255 BLHS)**

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 255 được hiểu là những hành vi chủ động tụ tập và tạo điều kiện cần thiết để tiến hành việc sử dụng trái phép chất ma tuý như đưa trái phép chất ma túy và cơ thể người khác; cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy; chuẩn bị chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ, sản xuất…) nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; cung cấp địa điểm (thuê địa điểm, mượn địa điểm, sử dụng địa điểm không thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc đang do mình quản lý làm nơi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác); cung cấp dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ…) nhằm sử dụng để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; tìm người sử dụng chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của họ. Người phạm tội có thể dùng nhiều thủ đoạn khác nhau như cho người khác dùng thử ma tuý để khiến họ bị nghiện, hoặc cho người khác sử dụng trái phép chất ma tuý không phải trả tiền ngay,…

Người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên với lỗi cố ý trực tiếp sẽ phải chịu TNHS về tội phạm này.

Điều 255 BLHS năm 2015 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1: phạt tù từ 02 năm đến 07 năm đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

- Khung 2: phạt tù từ 07 năm đến 15 năm đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2.

- Khung 3: phạt tù từ 15 năm đến 20 năm đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 3.

- Khung 4: phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 4.

Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung là: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**10. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256 BLHS)**

Hành vi phạm tội ở đây là hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý. Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là người có địa điểm (địa điểm này thuộc quyền chiếm hữu hoặc quản lý của họ) biết người khác có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cho mượn hoặc thuê địa điểm để người đó trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy. Người phạm tội có thể thực hiện hành vi dưới hình thức hành động phạm tội (cho mượn, cho thuê địa điểm,...) hoặc không hành động phạm tội như biết người khác (không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn để mặc cho những người đó sử dụng trái phép chất ma tuý tại địa điểm của mình.

Chủ thể của tội phạm này là người từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức rõ việc chứa chấp người khác sử dụng trái phép chất ma túy là trái với quy định của pháp luật nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi chứa chấp hoặc có ý thức để mặc cho người khác sử dụng địa điểm của mình để sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 256 quy đinh 02 khung hình phạt chính:

- Khung 1: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

- Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**11. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257 BLHS)**

Cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ. Ví dụ: giữ chân, tay nạn nhân rồi dùng kim tiêm có chứa ma tuý chích vào người họ, hoặc dùng súng đe doạ, buộc họ phải tự chích ma tuý vào cơ thể mình,...

Chủ thể của tội phạm này là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Điều 257 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1. Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

- Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

- Khung 3. Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4.

Ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**12. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258 BLHS)**

Hành vi phạm tội được mô tả trong khoản 1 Điều 258 là hành vi rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Do bị tác động nên từ chỗ người không có ý muốn sử dụng chất ma tuý đã tự nguyện, chủ động sử dụng.

Chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực TNHS và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

\* Hình phạt: Điều 258 BLHS năm 2015 quy định 4 khung hình phạt chính:

- Khung 1. Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

- Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

- Khung 3. Quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3.

- Khung 4. Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**13. Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259 BLHS)**

Người phạm tội có hành vi xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy. Đối tượng tác động của tội này là các chất ma túy, các tiền chất ma túy, thuốc gây nghiện và thuốc hướng thần.

Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm một trong số các hành vi sau:

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

- Vi phạm quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

- Vi phạm quy định về giao nhận, vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

- Vi phạm quy định về phân phối, mua bán, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần;

- Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển;

- Vi phạm quy định về cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.

Người phạm tội chỉ phải chịu TNHS về tội phạm này khi thực hiện một trong số các hành vi được liệt kê kể trên nếu trước đó họ đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XX của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Chủ thể của tội phạm là người có trách nhiệm trong việc sản xuất, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, kê đơn, bán thuốc, giám định, nghiên cứu chẩ ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần. Lỗi của người phạm tội này là lỗi cố ý.

Điều 259 BLHS năm 2015 quy định 3 khung hình phạt chính:

- Khung 1. Quy định hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

- Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**III.** **CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG**

**1. Các tội xâm phạm an toàn giao thông**

Các tội xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy hoặc đường hàng không.

***1.1.Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (Điều 260 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: là người tham gia giao thông, có thể là người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ hoặc người đi bộ.

- Người phạm tội khi tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây ra một trong các thiệt hại sau:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương có thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Trường hợp này, người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

+) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

+) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

+) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;

+) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông;

+) Làm chết 02 người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%:

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

+) Làm chết 03 người trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

+) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

- Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.2. Tội cản trở giao thông đường bộ (Điều 261 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Các hành vi phạm tội cụ thể:

+) Đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ;

+) Đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ;

+) Tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác;

+) Mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách;

+) Sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ.

- Hậu quả của hành vi phạm tội:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Trường hợp này, người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Nếu người phạm tội gây ra hậu quả khác nghiêm trọng hơn thì tùy thuộc vào hậu quả, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù, mức cao nhấtđến 10 năm.

***1.3. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn (Điều 262 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kĩ thuật của xe.

- Hành vi phạm tội: cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.

- Hậu quả của hành vi phạm tội:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

Trường hợp này người phạm tội bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

* Nếu người phạm tội gây ra hậu quả khác nghiêm trọng hơn thì tùy thuộc vào hậu quả, người phạm tội có thể bị phạt tù, mức cao nhất đến 10 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.4. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 264 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội: giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe (Ví dụ: bố giao xe máy cho con mới đang học cấp 2 tự điều khiển) hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

- Hậu quả của hành vi phạm tội: người được giao đã điều khiển phương tiện dẫn đến:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Trường hợp này, người có hành vi giao xe cho cho người khác bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Nếu người phạm tội gây ra hậu quả khác nghiêm trọng hơn thì tùy thuộc vào hậu quả, người phạm tội có thể bị phạt tù, mức cao nhấtđến 10 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

***1.5. Tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 265 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Hành vi phạm tội: là hành vi tổ chức trái phép việc đua xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ. Đó là những hành vi cần thiết cho việc đua xe như rủ rê, tụ tập người đua xe, sắp xếp địa điểm và thời gian đua, điều khiển quá trình đua xe, những hành vi này không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 04 năm đến 10 năm:

+) Tổ chức cho 10 xe tham gia trở lên trong cùng một lúc hoặc tổ chức 02 cuộc đua xe trở lên trong cùng một lúc;

+) Tổ chức cá cược;

+) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;

+) Tại nơi tập trung đông dân cư;

+) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+) Tái phạm về tội này hoặc tội đua xe trái phép.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

+) Làm chết 02 người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

+) Tái phạm nguy hiểm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

+) Làm chết 03 người trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

+) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***1.6. Tội đua xe trái phép (Điều 266 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

**-** Hành vi phạm tội: đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ dẫn đến gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đua xe trái phép, tổ chức đua xe trái phép hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;

+) Tham gia cá cược;

+) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;

+) Tại nơi tập trung đông dân cư;

+) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;

+) Tái phạm nguy hiểm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

+) Làm chết 02 người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

+) Làm chết 03 người trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

+) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***1.7. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt (Điều 267 BLHS năm 2015)***

**-** Chủ thể tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt

- Hành vi phạm tội: vi phạm quy định về an toàn giao thông đường sắt

- Hậu quả của hành vi phạm tội:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Trong trường hợp này, người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

- Nếu người phạm tội phạm vào các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì tùy thuộc vào hậu quả, người phạm tội có thể bị phạt tù đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.8. Tội cản trở giao thông đường sắt (Điều 268 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Đặt chướng ngại vật trên đường sắt;

+) Làm xê dịch ray, tà vẹt;

+) Khoan, đào, xẻ trái phép nền đường sắt;

+) Mở đường ngang, xây cống hoặc công trình khác trái phép qua đường sắt;

+) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch, che khuất tín hiệu, biển hiệu, mốc hiệu của công trình giao thông đường sắt;

+) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển;

+) Đưa trái phép phương tiện tự tạo, phương tiện không được phép chạy trên đường sắt;

+) Phá hoại phương tiện giao thông đường sắt;

+) Lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sắt

Hành vi phạm tội nói trên dẫn đến hậu quả:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thươngcơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Hoặc người đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi trên mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

* Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 15 năm.

***1.9. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy (Điều 272 BLHS năm 2015)***

**-** Chủ thể: là người điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

- Hành vi phạm tội: vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy dẫn đến hậu quả sau:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Trường hợp này, người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

* Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.10. Tội cản trở giao thông đường thủy (Điều 273 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Khoan, đào trái phép làm hư hại kết cấu của công trình giao thông đường thủy;

+) Tạo ra chướng ngại vật gây cản trở giao thông đường thủy mà không đặt và duy trì báo hiệu;

+) Di chuyển làm giảm hiệu lực, tác dụng của báo hiệu;

+) Tháo dỡ báo hiệu hoặc phá hoại công trình giao thông đường thủy;

+) Lấn chiếm luồng hoặc hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy;

+) Hành vi khác cản trở giao thông đường thủy

Hành vi phạm tội nói trên dẫn đến hậu quả:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 15 năm.

***1.11. Tội vi phạm quy định về điều khiển tàu bay (Điều 277 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người chỉ huy, điều khiển tàu bay

- Hành vi phạm tội: vi phạm quy định về an toàn giao thông đường không, có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 20 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.12. Tội cản trở giao thông đường không (Điều 278 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội cụ thể:

+) Đặt chướng ngại vật;

+) Di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển hiệu, tín hiệu an toàn giao thông đường không;

+) Sử dụng sai hoặc làm nhiễu tần số thông tin liên lạc;

+) Làm hư hỏng trang bị, thiết bị của sân bay hoặc trang bị, thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho an toàn bay;

+) Cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn của tàu bay, an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người khác tại cảng hàng không, sân bay hoặc công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

+) Điều khiển, đưa phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật vào khai thác tại khu bay;

+) Hành vi khác cản trở giao thông đường không gây

Hậu quả của các hành vi nói trên:

+) Làm chết người;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***1.13. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy (Điều 282 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể của tội phạm: bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tàu bay hoặc tàu thủy, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông**

***2.1. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 286 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Hành vi phạm tội: cố ý phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử nhằm:

+) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

+) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

+) Làm lây nhiễm từ 50 phương tiện điện tử đến dưới 200 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 50 người sử dụng đến dưới 200 người sử dụng;

+) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.2. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 287 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Hành vi phạm tội cụ thể: tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử hoặc ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử nhằm:

+) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

+) Gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 30 phút đến dưới 24 giờ hoặc từ 03 lần đến dưới 10 lần trong thời gian 24 giờ;

+) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 24 giờ đến dưới 72 giờ;

+) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

* Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 12 năm.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.3. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác (Điều 289 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Hành vi phạm tội:

+) Cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác chiếm quyền điều khiển;

+) Can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử;

+) Lấy cắp, thay đổi, hủy hoại, làm giả dữ liệu hoặc sử dụng trái phép các dịch vụ

Người phạm tội bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 12 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***2.4. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiệm trọng là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Hành vi phạm tội của người sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử:

+) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của Cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

+) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

+) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;

+) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;

+) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản.

Người phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội trong các trường hợp khác nghiêm trọng hơn thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 20 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***2.5. Tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 294 BLHS năm 2015)***

- Chủ thể tội phạm: người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Hành vi phạm tội: cố ý gây nhiễu có hại, cản trở hoạt động bình thường của hệ thống thông tin vô tuyến điện gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Phạm tội có tổ chức; gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên; tái phạm nguy hiểmthì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

**3. Các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng**

***3.1. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người (Điều 295 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người. Đây có thể là hành vi không tuân thủ quy trình, quy phạm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khi vận hành máy, thiết bị hoặc hành vi phạm quy định về trách nhiệm cung cấp trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm định kì kiểm tra, tu sửa máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng để đảm bảo độ an toàn theo tiêu chuẩn…

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 4 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 6 năm đến 12 năm và khung hình phạt thứ tư là phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghê hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.2. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.3. Tội cưỡng bức lao động******(Điều 297 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động trái với ý muốn của họ. Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.4. Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 298 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi vi phạm quy định về xây dựng trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, máy móc, giám sát, nghiệm thu công trình hoặc các lĩnh vực khác. Các quy định ở đây được hiểu là các quy chuẩn xây dựng và các tiêu chuẩn xây dựng.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.5. Tội khủng bố (Điều 299 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi xâm phạm tính mạng người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 4 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 5 năm đến 15 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ tư là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài.

***3.6. Tội tài trợ khủng bố (Điều 300 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố. Người phạm tội này có thể bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Nếu ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội thì có thể bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Pháp nhân thương mại phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 7 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 3 năm hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 1 năm đến 3 năm.

***3.7. Tội bắt cóc con tin******(Điều 301 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi bắt, giữ hoặc giam người khác làm con tin nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc như một điều kiện để thả con tin, nếu không thuộc trường hợp tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 5 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 01 năm đến 04 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ tư là phạt tù từ 08 năm đến 15 năm. Khung hình phạt thứ năm là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội.

***3.8. Tội cướp biển (Điều 302)***

Hành vi phạm tội này là hành vi tấn công tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào; tấn công hoặc bắt giữ người trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào; cướp phá tài sản trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 5 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khung hình phạt thứ tư là phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khung hình phạt thứ năm là phạt tù từ 01năm đến 05 năm áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội.

***3.9. Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia* *(Điều 303 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi phá hủy công trình, cơ sở hoặc phương tiện giao thông vận tải, thông tin liên lạc, công trình điện, dẫn chất đốt, công trình thủy lợi hoặc công trình quan trọng khác về an ninh, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa và xã hội nếu không thuộc trường hợp phạm tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 114 BLHS.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 03 năm đến 12 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 01 năm đến 05 năm áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế từ 1 năm đến 5 năm.

***3.10. Các tội phạm về vũ khí, vật liệu nổ, chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân.***

Nhóm các tội phạm này bao gồm 07 điều luật. Đó là các tội:

- Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304 BLHS);

- Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ (Điều 305 BLHS);

- Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 306 BLHS);

- Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (Điều 307 BLHS);

- Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 308 BLHS);

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạtchất phóng xạ, vật liệu hạt nhân (Điều 309 BLHS);

- Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân (Điều 310 BLHS);

Những tội phạm nêu trên nhìn chung có ba nhóm dạng hành vi phạm tội. Một là những hành vi chế tạo (sản xuất), tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt một loại đối tượng nhất định. Hai là hành vi vi phạm các quy định về quản lý việc sản xuất, sửa chữa, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán hoặc tiêu hủy một loại đối tượng nhất định. Ba là hành vi thiếu trách nhiệm của người được giao một loại đối tượng nhất định.

Người phạm một trong những tội nêu trên có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt tiền và nghiêm khắc nhất có thể bị tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.11. Các tội phạm về chất cháy, chất độc, cháy nổ***

Nhóm các tội phạm này bao gồm 03 điều luật. Đó là các tội:

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc (Điều 311 BLHS);

- Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc (Điều 312 BLHS):

- Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy (Điều 313 BLHS).

Chất cháy được hiểu là chất dễ xảy ra cháy dưới dạng thể rắn như phốt pho, thể lỏng như xăng, thể khí như gas. Chất độc được hiểu là hóa chất có một trong các đặc tính nguy hiểm: độc cấp tính, độc mãn tính, gây kích ứng với con người, gây ug thư hoặc có nguy cơ gây ung thư, gây biến đổi gen, độc đối với sinh sản, tích lũy sinh học, ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, độc hại đến môi trường.

Hành vi phạm tội của những tội phạm này là hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái chất cháy, chất độc hoặc là hành vi vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán chất cháy, chất độc. Đây cũng có thể là hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

Người phạm một trong những tội nêu trên có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm và nghiêm khắc nhất có thể bị tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.12. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực* *(Điều 314 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi cho phép xây nhà, công trình hoặc tự ý xây nhà, công trình trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình điện; gây nổ, gây cháy, đốt rừng làm nương rẫy, làm đổ cây ảnh hưởng đến an toàn vận hành công tình điện; đào hố, đóng cọc, xây nhà lên hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm; thả neo tàu, thuyền trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm đặt ở lòng sông, lòng biển đã có thông báo hoặc biển báo.

Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt tiền và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 10 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3****.****13. Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác (Điều 315 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát thuốc, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác. Đó là các quy định chuyên môn nghiệp vụ y tế. Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt tù 1 năm và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.14. Tội phá thai trái phép (Điều 316 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi thực hiện việc phá thai trái phép cho người khác. Hành vi phá thai trái phép là hành vi thực hiện các thủ thuật nạo thai, phá thai mà không có giấy phép do Bộ Y tế hoặc sở y tế cấp. Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***3.15. Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm (Điều 317)***

Hành vi phạm tội này bao gồm các dạng hành vi sau:

- Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm mà biết là cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm;

- Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật để chế biến thực phẩm hoặc cung cấp, bán thực phẩm mà biết là có nguồn gốc từ động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy;

- Sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm mà biết là chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trong sản xuất thực;

- Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử;

- Nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết là có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam;

- Chế biến, cung cấp, bán thực phẩm mà biết là thực phẩm không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn thực phẩm.

Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt 50 triệu đồng và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

**4. Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng**

***4.1. Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi gây rối trật tự công cộng, tức là hành vi làm náo loạn, gây mất ổn định ở những nơi diễn ra hoạt động chung của đông đảo người. Những hành vi đó có thể là la hét, chửi bới, đập phá tài sản, xô đẩy người khác… trên đường phố, nhà ga, rạp chiếu phim…

Người phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Nếu người phạm tội có tình tiết tăng nặng thì có thể bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

***4.2. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt (Điều 319 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi đào, phá mồ mả, chiếm đoạt những đồ vật để ở trong mộ, trên mộ hoặc các hành vi khác xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt như hành vi đâm chém xác chết, đập phá hài cốt, bình tro hài cốt… Người phạm tội này có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Nếu người phạm tội có tình tiết tăng nặng thì có thể bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

***4.3. Tội hành nghề mê tín dị đoan (Điều 320 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi bói toán, đồng bóng hoặc các hình thức mê tín dị đoan khác. Người phạm tội này có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Nếu người phạm tội có tình tiết tăng nặng thì có thể bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm.

***4.4. Tội đánh bạc (Điều 321 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi đánh bạc trái phép. Trong đó, đánh bạcđược hiểu là hành vi tham gia vào trò chơi được tổ chức bất hợp pháp mà sựđược thua kèm theo việcđược, mất một số tài sản nhất định. Hành vi đánh bạc chỉ cấu thành tội phạm nếu tiền hay hiện vật có giá trị từ 5 triệuđồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kếtán về tội này hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xoáán tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong hai khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

***4.5. Tội tổ chứcđánh bạc hoặc gá bạc (Điều 322 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi tổ chứcđánh bạc hoặc gá bạc. Trong đó, tổ chứcđánh bạcđược hiểu là những hành vi cần thiết cho việcđánh bạc có thể diễn ra từ hành vi rủ rê, tập hợp ngườiđánh bạcđến chuẩn bịđịađiểm và các điều kiện khác cũng nhưđiều hành hoạtđộngđánh bạc. Gá bạcđược hiểu là hành vi tạođiều kiện vềđịađiểm cho việcđánh bạcđể thu lời (hay còn gọi là tiền hồ).

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong hai khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 300 triệu đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

***4.6. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 323 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi chứa chấp tài sản được hiểu là hành vi tạo điều kiện hoặc cất giữ tài sản. Hành vi tiêu thụ tài sản được hiểu là hành vi bán hoặc trao đổi tài sản. Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt 10 triệu đồng và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 15 năm.

***4.7. Tội rửa tiền (Điều 324 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi:

- Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản do phạm tội mà có.

- Sử dụng tiền, tài sản do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động khác.

- Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do phạm tội mà có hoặc có hành vi cản trở việc xác minh các thông tin đó.

- Tiền, tài sản có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có.

Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt tù 1 năm và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù 15 năm.

***4.8. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp (Điều 325 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động hoặc xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa hoặc đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc có hành vi khác ép buộc người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc sống sa đọa.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong hai khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm.

***4.9. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi phổ biến các sản phẩm văn hóa có tính đồi trụy đến những người khác như làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán, tàng trữ… Sản phẩm văn hóa đồi trụy có thể là sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội cón có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

***4.10. Tội chứa mại dâm (Điều 327 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi tạo điều kiện về địa điểm cho người mại dâm thực hiện việc mại dâm của mình. Người phạm tội này có thể bị xử phạt với nhiều khung hình phạt khác nhau với mức nhẹ nhất có thể là phạt tù 1 năm và nghiêm khắc nhất có thể bị phạt tù chung thân.

***4.11. Tội môi giới mại dâm (Điều 328 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm. Dụ dỗ mại dâm được hiểu là thuyết phục người khác chấp nhận và thực hiện việc mại dâm. Dẫn dắt mại dâm là hành vi tạo điều kiện để người mại dâm có thể tiếp cận, thỏa thuận được với người khác về việc mại dâm.

Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

***4.12. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329 BLHS)***

Hành vi phạm tội này là hành vi của người từ đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi. Hành vi mua dâm là hành vi dùng lợi ích vật chất để được quan hệ tình dục với người nhận lợi ích vật chất đó. Người phạm tội này có thể bị áp dụng một trong 3 khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất là phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Khung hình phạt thứ ba là phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

**IV. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**

Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính quy định tại Chương XXII của BLHS năm 2015 bao gồm 21 tội danh. Trong đó, nội dung cụ thể của từng tội phạm được quy định tại Chương XXII như sau:

**1. Tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS năm 2015)**

*Chống người thi hành công vụ là hành vi dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật.*

* Dấu hiệu pháp lý

Người phạm tội chống người thi hành công vụ là người đã có hành vi cản trở người thi hành công vụ có thể thi hành công vụ của mình. Hành vi cản trở này có thể thực hiện dưới các dạng sau đây.

- Hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ.

- Hành vi đe dọa dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ.

- Thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ.

- Dùng thủ đoạn khác ép người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật.

Lỗi của người chống người thi hành công vụ là lỗi cố ý. Người phạm tội biết đối tượng mình tác động là người đang thi hành công vụ nhưng vẫn thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ.

* Về hình phạt :

Tội chống người thi hành công vụ có hai khung hình phạt. Trong đó người phạm tội thuộc khung cơ bản có thể bị xử phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Phạm tội thuộc khung tăng nặng thứ nhất có thể bị xử phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

**2. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 331 BLHS năm 2015)**

*Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là hành vi lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.*

* Dấu hiệu pháp lý

Người phạm tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi có một trong các hành vi sau đây:

- Thu thập tin tức, in ấn tài liệu phát tán thông tin sai sự thật.

- Khiếu kiện, tố cáo cán bộ nhà nước sai sự thật.

Về chủ quan, lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức hành vi của mình gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, của công dân nhưng vẫn thực hiện.

* Hình phạt:

Điều luật quy định 2 khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

**3. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 332 BLHS năm 2015)**

Trốn tránh nghĩa vụ quân sự là hành vi không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện.

* Dấu hiệu pháp lí:

Hành vi khách quan của tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự bao gồm 3 dạng hành vi:

- Không chấp hành quy định pháp luật về đăng kí nghĩa vụ quân sự.

- Không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ.

- Không chấp hành lệnh gọi tập trung huấn luyện.

Hành vi khách quan của tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự được thực hiện dưới dạng không hành động phạm tội. Người phạm tội chỉ bị xử lý hình sự nếu đã bị xử lí hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

**4. Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ (Điều 333 BLHS năm 2015)**

Không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ là hành vi của người là quân nhân dự bị mà không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ trong trường hợp có lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ, có chiến tranh hoặc có nhu cầu tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội để chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này là hành vi không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ khi có lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ, có chiến tranh hoặc có nhu cầu tăng cường lực lượng thường trực của quân đội để chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quân nhân dự bị.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức được hành vi không chấp hành lệnh nhập ngũ và nghĩa vụ công dân của mình nhưng vẫn không thực hiện.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

**5.Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 334 BLHS năm 2015)**

Làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn không thực hiện đúng các quy định về khám sức khỏe, kiểm tra sức khỏe, giám định sức khỏe, xét hoãn hoặc miễn nghĩa vụ quân sự hoặc quy định khác về nghĩa vụ quân sự.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức được hành vi và nghĩa vụ của mình nhưng vẫn không thực hiện.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**6. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 335 BLHS năm 2015)**

Cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi ngăn cản, gây khó khăn cho việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, việc gọi nhập ngũ hoặc việc gọi tập trung huấn luyện.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này có thể thực hiện dưới một trong ba dạng hành vi sau:

- Cản trở người có trách nhiệm thực hiện các quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự, gây khó khăn hoặc cản trở người có trách nhiệm chấp hành giấy gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự, kiểm tra sức khỏe chuẩn bị nhập ngũ.

- Cản trở người có trách nhiệm thực hiện lệnh gọi nhập ngũ.

- Cản trở người có trách nhiệm thực hiện lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị; cản trở quân nhân dự bị thực hiện các quy định về tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức được hành vi cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

**7.Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật (Điều 336 BLHS năm 2015)**

Đăng ký hộ tịch trái pháp luật là hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác đăng kí hộ tịch để đăng kí, cấp giấy tờ hộ tịch trái pháp luật.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này là hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác đăng kí hộ tịch để đăng kí, cấp giấy tờ hộ tịch không đúng với quy định của pháp luật.

Lỗi của người phạm tội đăng ký hộ tịch là lỗi cố ý.

Người phạm tội bị truy cứu TNHS trong trường hợp đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**8. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước (Điều 337 BLHS năm 2015)**

Điều 337 BLHS năm 2015 quy định bốn loại hành vi phạm tội khác nhau:

* Hành vi cố ý làm lộ bí mật nhà nước.
* Chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước.
* Mua bán tài liệu bí mật nhà nước.
* Tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước.
* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:

-Cố ý làm lộ bí mật nhà nước cho người khác biết bí mật nhà nước. Hành vi này có thể được thực hiện dưới dạng cho người không có trách nhiệm xem, sao chụp, đọc tài liệu bí mật nhà nước…

- Chiếm đoạt bí mật nhà nước.

- Mua bán tài liệu bí mật nhà nước.

- Tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức đây là các hành vi nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện

Người phạm tội bị truy cứu TNHS trong trường hợp đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này.

* Hình phạt:

Điều luật quy định ba khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt 02 năm đến 07 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ từ 05 năm đến 10 năm áp dụng cho trường hợp:

* Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật;
* Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
* Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.

Khung tăng nặng thứ hai có mức hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng cho các trường hợp:

* Có tổ chức;
* Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật;
* Phạm tội 02 lần trở lên;
* Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**9.Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước (Điều 338 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm hai hành vi:

- Hành vi vô ý làm lộ bí mật nhà nước.

- Hành vi làm mất tài liệu bí mật nhà nước.

Lỗi của người phạm tội trong hai trường hợp trên đều là lỗi vô ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng trong trường hợp:

* Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật;
* Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**10. Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác (Điều 339 BLHS năm 2015)**

Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc là hành vi gian dối tự xưng, tự nhận mình là người có chức vụ, cấp bậc nhất định để thực hiện hành vi trái pháp luật.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm hai hành vi: giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác và thực hiện hành vi trái pháp luật.

Lỗi của người phạm tội trong hai trường hợp trên đều là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định một khung hình phạt với hình phạt được áp dụng là cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

**11. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 BLHS năm 2015)**

Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức là hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch hoặc các loại giấy chứng nhận và tài liệu khác của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm hai hành vi:

- Sửa chữa, làm sai lệnh nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch hoặc các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu khác của cơ quan tổ chức.

- Sử dụng các tài liệu, giấy tờ trên để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ thì bị phạt tù từ năm áp dụng trong trường hợp:

Phạm tội 02 lần trở lên;

Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**12.Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341 BLHS năm 2015)**

Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức là hành vi làm ra con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức giống với con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thật của cơ quan, tổ chức đó hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm hai hành vi:

- Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan tổ chức.

- Hành vi sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan tổ chức nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định ba khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ từ 02 năm đến 05 năm áp dụng trong trường hợp:

- Có tổ chức;

- Phạm tội 02 lần trở lên;

- Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

- Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;

- Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

- Tái phạm nguy hiểm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm áp dụng trong trường hợp:

- Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

- Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

- Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**13. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 342 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này bao gồm ba hành vi khác nhau:

- Chiếm đoạt con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Mua bán con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Tiêu hủy trái phép con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng trong trường hợp:

a) Có tổ chức;

b) Thu lợi bất chính 10.000.000 đồng trở lên;

c) Để thực hiện hành vi trái pháp luật;

d) Tái phạm nguy hiểm.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**13.Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở (Điều 343 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi chiếm dụng chỗ ở, xây dựng nhà trái phép. Người phạm tội bị truy cứu TNHS về hành vi này nếu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật chỉ có một khung hình phạt duy nhất. Khung cơ bản có mức hình phạt 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**14. Tội vi phạm quy định về hoạt động xuất bản (Điều 344 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm quy định trong hoạt động xuất bản bao gồm:

- In 2.000 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm mà không có quyết định xuất bản, không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật;

- Xuất bản, in hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép với số lượng 500 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm;

- Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung bị cấm, không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng trong trường hợp:

a) Có tổ chức;

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh đã có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản để xuất bản bản thảo có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản;

c) Phát hành xuất bản phẩm có nội dung bị cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**15.Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 345 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa danh lam, thắng cảnh. Người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS trong trường hợp:

+ Gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

+ Hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh.

+ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

**16. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 346 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm quy định cư trú (cư trú trái phép), ra vào khu vực biên giới mà không có giấy phép hoặc các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền, hoặc quy định khác về khu vực biên giới như thay đổi dòng chảy sông, suối, xâm canh, xâm cư qua biên giới, vượt biên giới trái phép…vv

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

**17.Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép (Điều 347 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Tội này bao gồm ba loại hành vi phạm tội khác nhau:

- Xuất cảnh trái phép

- Nhập cảnh trái phép

- Ở lại Việt Nam trái phép

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật chỉ có một khung hình phạt duy nhất. Hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

**18**. **Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Tội này bao gồm hai loại hành vi phạm tội khác nhau:

- Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép.

- Môi giới làm trung gian giúp người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt 01 năm đến 05 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng trong trường hợp:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

+ Phạm tội 02 lần trở lên;

+ Đối với từ 05 người đến 10 người;

+ Có tính chất chuyên nghiệp;

+ Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+ Tái phạm nguy hiểm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng trong trường hợp:

+ Đối với 11 người trở lên;

+ Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;

+ Làm chết người.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**19.Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 394 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Tội này bao gồm hai loại hành vi phạm tội khác nhau:

- Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

- Môi giới làm trung gian giúp người trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định hai khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt 01 năm đến 05 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng trong trường hợp:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

+ Phạm tội 02 lần trở lên;

+ Đối với từ 05 người đến 10 người;

+ Có tính chất chuyên nghiệp;

+ Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+ Tái phạm nguy hiểm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng trong trường hợp:

+ Đối với 11 người trở lên;

+ Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;

+ Làm chết người.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**20. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 350 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Tội này bao gồm hai loại hành vi phạm tội khác nhau:

- Cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài.

- Cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép.

Hành vi cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài là hành vi rủ rê, lôi kéo hoặc cưỡng ép làm cho người khác không muốn ra nước ngoài đã phải ra nước ngoài bằng các thủ đoạn khác nhau như lén lút qua biên giới bằng việc sử dụng giấy tờ giả mạo…

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật quy định ba khung hình phạt.

Khung cơ bản có mức hình phạt 02 năm đến 07 năm.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm áp dụng trong trường hợp:

- Phạm tội 02 lần trở lên;

- Đối với từ 05 người đến 10 người;

- Có tính chất chuyên nghiệp;

- Vì động cơ đê hèn;

- Tái phạm nguy hiểm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm áp dụng trong trường hợp:

- Đối với 11 người trở lên;

- Làm chết người.

**21. Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca (Điều 351 BLHS năm 2015)**

* Dấu hiệu pháp lí

Hành vi khách quan của tội này là hành vi xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca. Hành vi này có thể thể hiện bằng nhiều hành vi cụ thể khác nhau như: đốt, xé, bôi bẩn Quốc kỳ, Quốc huy; đập phá Quốc huy, xuyên tạc Quốc ca…vv

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

* Hình phạt:

Điều luật chỉ có một khung hình phạt duy nhất. Hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội là cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

**V. CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ**

Các tội phạm về chức vụ được quy định tại Chương XXIII Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015 với 15 điều luật, trong đó quy định 14 tội danh cụ thể. Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.Người có chức vụ được hiểu là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ (Điều 352 BLHS năm 2015).

**1.Tội tham ô tài sản (Điều 353 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có chức vụ, quyền hạn, có trách nhiệm trong việc quản lí tài sản. Những người không có chức vụ, quyền hạn này chỉ có thể là đồng phạm tham ô với vai trò tổ chức, xúi giục hoặc giúp sức. Người phạm tội có thể đang đảm nhiệm chức vụ hoặc có quyền hạn trong cơ quan, tổ chức Nhà nước nhưng cũng có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, xí nghiệp ngoài Nhà nước. Những chủ thể này có trách nhiệm quản lý tài sản là do họ được cơ quan giao, phân công phụ trách một cách chính thức, hợp pháp như:

+) Họ là giám đốc, thủ trưởng, chánh văn phòng, quản đốc phân xưởng…

+) Công việc họ đảm nhiệm có tính đặc thù trong việc quản lý, kiểm kê tài sản như thủ kho, thủ quỹ hay kế toán…

+) Họ đảm nhiệm những công việc như chuyên chở, vận chuyển mà khi thực hiện công việc đó họ sẽ có trách nhiệm đối với tài sản được giao.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, họ phạm tội là nhằm mục đích tư lợi.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: người phạm tội đã lợi dụng việc được giao quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản đó. Do người phạm tội đang có quyền quản lý đối với tài sản nên họ có thể dễ dàng biến tài sản của cơ quan, tổ chức thành tài sản của cá nhân mình bằng các thủ đoạn gian dối như lập chứng từ, hồ sơ sổ sách giả, sửa chữa chứng từ, hợp thức khống chứng từ.

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mình đang có trách nhiệm quản lý cấu thành tội tham ô tài sản nếu tài sản chiếm đoạt được có giá trị từ 2 triệu đồng. Trường hợp tài sản chiếm đoạt được có giá trị dưới 2 triệu đồng thì sẽ bị coi là cấu thành tội tham ô nếu người đó đã bị xử lý kỉ luật về hành vi này mà còn vi phạm, đã bị kết án về một trong các tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ, tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, tội giả mạo trong công tác chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Những trường hợp này người phạm tội bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Nếu người phạm tội phạm tội có tổ chức; dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; phạm tội 02 lần trở lên; chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng; ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Nếu người phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;ây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

Nếu người phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

* Người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**2.Tội nhận hối lộ (Điều 354 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước hoặc ngoài Nhà nước.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, họ phạm tội vì động cơ, mục đích tư lợi cho bản thân mình hoặc cho người khác mà mình quan tâm.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận lợi ích cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Người phạm tội có thể nhận tiền (tiền Việt Nam đồng hoặc ngoại tệ), tiền hoặc tài sản khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ, tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, tội giả mạo trong công tác chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. người phạm tội có thể nhận lợi ích phi vật chất như được hưởng dịch vụ, đi du lịch, nghỉ dưỡng, tặng huân huy chương hoặc các danh hiệu cao quý khác. Trong những trường hợp này, người phạm tội bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Nếu người phạm tội phạm tội có tổ chức; lạm dụng chức vụ, quyền hạn; của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng; phạm tội 02 lần trở lên; biết rõ của hối lộ là tài sản của Nhà nước; đòi hối lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Nếu người phạm tội nhận của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

Nếu người phạm tội nhận của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

* Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**3.Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt - người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là tư lợi.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: người phạm tội đã sử dụng chức vụ, quyền hạn vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể, người phạm tội đã uy hiếp tinh thần, cưỡng bức người khác nhằm chiếm đoạt tài sản; lừa dối người khác để họ tin vào các nội dung không đúng sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm của người khác với mình để họ tin mà giao tài sản rồi chiếm đoạt.

Nếu chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; đã bị kết án về một trong các tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ, tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, tội giả mạo trong công tác chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.

Người phạm tội phạm tội có tổ chức; dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; phạm tội 02 lần trở lên; chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng; chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm.

Người phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng; dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm.

Người phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

* Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**4.Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356 BLHS năm 2015)**

* Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là vì vụ lợi, có thể vì vụ lợi cho bản thân hoặc cho người khác mà mình quan tâm; vì động cơ cá nhân khác như muốn củng cố vị trí, quyền lực…
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

Người phạm tội có hành vi “lợi dụng chức vụ, quyền hạn” được hiểu là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức năng, quyền hạn được giao trong phạm vi thẩm quyền công tác của mình và trường hợp người đó lợi dụng khả năng, uy tín trong công tác với những người có chức vụ, quyền hạn khác do địa vị công tác mà có làm trái với công vụ. Làm trái với công vụ tức là không làm trong trường hợp phải làm và có điều kiện phải làm; làm trái với chức năng, nhiệm vụ, mục đích công tác được giao, vi phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nơi người có chức vụ, quyền hạn công tác hoặc làm cản trở việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của những cơ quan, tổ chức hoặc của những người khác.

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ phải gây ra hậu quả: gây thiệt hại về tài sản hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Có thể là làm mất, làm hỏng tài sản; ảnh hưởng đến việc lưu thông của hàng hóa trên thị trường, sản xuất đình đốn không thu được lợi nhuận, uy tín của doanh nghiệp, cá nhân bị giảm sút…

Nếu người phạm tội phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Nếu người phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

* Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**5.Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357 BLHS năm 2015)**

* Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ là hành vi của người có chức vụ quyền hạn vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là vì vụ lợi, có thể vì vụ lợi cho bản thân hoặc cho người khác mà mình quan tâm; vì động cơ cá nhân khác như muốn củng cố vị trí, quyền lực…
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

Hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ tức là thực hiện những hành vi không thuộc hoặc vượt quá chức vụ, quyền hạn được giao, có thể làm một việc thuộc chức năng, quyền hạn của người có chức vụ, quyền hạn cấp trên (ví dụ: cấp phó làm việc thuộc quyền hạn của cấp trưởng); làm một việc thuộc chức năng, quyền hạn của người có chức vụ, quyền hạn ở ngành khác; làm một việc thuộc chức năng, thẩm quyền của tập thể; làm một việc trong khi thiếu những điều kiện bắt buộc; làm một việc mà không chủ thể nào có quyền thực hiện. Việc lạm quyền của người có chức vụ, quyền hạn được coi là tội phạm nếu trong khi thi hành công vụ, người đó có hành vi vượt quá chức năng, quyền hạn được giao, do đó tội phạm chỉ có thể được thực hiện bằng hành động.

Tội phạm bắt buộc phải gây ra hậu quả, đó là thiệt hại về tài sản hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (về cơ bản thiệt hại do tội phạm gây ra giống như tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ).

Nếu người phạm tội phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Nếu người phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm; hạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

* Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**6.Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ tư lợi.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: Người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đòi, nhận hoặc sẽ nhận tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ), tài sản (vàng bạc, đá quý, xe hơi, biệt thự…) hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; nhận lợi ích phi vật chất (dịch vụ, du lịch, thăng chức…) dưới mọi hình thức để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm. Trong trường hợp này, người phạm tội bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.
* Người phạm tội phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên; tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng thì bị phạt từ từ 06 năm đến 13 năm.

Nếu người phạm tội nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm.

Nếu người phạm tội nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

* Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**7.Tội giả mạo trong công tác (Điều 359 BLHS năm 2015)**

* Tội giả mạo trong công tác là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu; làm, cấp giấy tờ giả; giả mạo chữ kí của người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý ý trực tiếp, động cơ phạm tội là vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu:hành vi sửa chữa thể hiện ở việc thêm bớt câu từ, số liệu, tẩy xoá rồi ghi số liệu vào, sửa chữa ngày, tháng… Việc sửa chữa này không làm sai lệch hoàn toàn nội dung của giấy tờ, tài liệu mà chỉ làm sai lệch một phần, còn hình thức của giấy tờ tài liệu vẫn giữ nguyên hiện trạng ban đầu; làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu là làm thay đổi cơ bản nội dung giấy tờ bằng cách thêm bớt những nội dung, số liệu quan trọng.

+) Làm, cấp giấy tờ giả: là làm giấy tờ với nội dung giả, chữ ký giả, đóng dấu giả hoặc chữ ký và dấu thật nhưng nội dung thì giả. Giấy tờ giả là những giấy tờ dùng để chứng thực sự kiện không có trong thực tế hoặc không phù hợp với thực tế. Cấp giấy tờ giả là đưa giấy tờ giả đó cho người có yêu cầu sử dụng vào một mục đích nhất định nào đó. Việc cấp giấy tờ giả có thể chính người làm ra giấy tờ giả đã trực tiếp cấp hoặc thông qua những người khác mà cấp cho người có yêu cầu.

+) Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn là kí tên của người khác có chức vụ, quyền hạn vào giấy tờ, tài liệu, có thể là giả mạo chữ kí của cấp trên, ngang cấp hoặc cấp dưới.

Người phạm tội phạm tội có tổ chức; người phạm tội là người có trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, tài liệu; làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 02 giấy tờ giả đến 05 giấy tờ giả thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Người phạm tội làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 06 giấy tờ giả[364](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx#_ftn364) đến 10 giấy tờ giả; để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Người phạm tội làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên; để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

* Ngoài ra, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**8.Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 360 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý, có thể là lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý do cẩu thả. Người phạm tội do thiếu trách nhiệm khi thi hành công vụ nên tuy thấy trước hậu quả nghiêm trọng nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được, hoặc họ không thấy trước khả năng gây ra hậu quả nghiêm trọng mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội: Người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao dẫn đến hậu quả làm chết người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (không thuộc trường hợp phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng; Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn).

Không thực hiện nhiệm vụ được giao là không làm những việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Ví dụ: thủ kho không kiểm kê tài sản định kì dẫn đến tài sản bị thất thoát; thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao là thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao không đầy đủ, cẩu thả, hình thức.

Để có cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, ngoài việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của người đó còn phải xác định họ có khả năng thực tế thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong trường hợp cụ thể hay không. Nếu xác định được người có chức vụ, quyền hạn có khả năng thực tế để thực hiện chức năng, nhiệm vụ đó, nhưng vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao dẫn đến hậu quả xảy ra, thì có đầy đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó; nếu xác định được là không đủ khả năng thực tế để người đó thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thì không thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này.

Hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao buộc phải gây ra hậu quả, tùy vào mức độ thiệt hại mà ngời phạm tội có thể bị áp dụng khung tăng nặng để xử lý.

* Hình phạt áp dụng với người phạm tội là tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 15 năm.
* Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**9.Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác (Điều 361 BLHS năm 2015)**

Thực chất điều luật quy định 4 tội phạm khác nhau gồm tội cố ý làm lộ bí mật công tác, tội chiếm đoạt tài liệu bí mật công tác, tội mua bán tài liệu bí mật công tác, tội tiêu hủy tài liệu bí mật công tác.

1. *Tội cố ý làm lộ bí mật công tác:*

Cố ý làm lộ bí mật công tác là cố ý công bố, công khai cho người không có trách nhiệm biết những tài liệu, bí mật công tác mà mình có trách nhiệm quản lý, bảo quản. Như vậy, những người không được phép biết, khai thác, sử dụng có thể tiếp cận tài liệu, bí mật công tác bằng cách nghe, đọc, nhìn, chụp ảnh, sao chép những tài liệu đó và làm cho chúng không còn tính bí mật. Tội phạm có thể được thực hiện bằng hành động nhưng cũng có thể là không hành động như không cất giữ, không niêm phong, bảo quản tài liệu bí mật đó.

Chủ thể của tội này là chủ thể đặc biệt, phải người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý tài liệu, bí mật công tác.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp, có thể vì động cơ vụ lợi cá nhân hoặc động cơ khác.

1. *Tội chiếm đoạt tài liệu bí mật công tác*

Để thực hiện tội phạm, người phạm tội phải có hành vi chiếm đoạt, tức là cố ý dịch chuyển trái phép tài liệu bí mật công tác đang thuộc sự quản lý hợp pháp của một chủ thể nào đó thành tài liệu của mình. Người phạm tội có thể thực hiện việc chiếm đoạt bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, có thể công khai hoặc lén lút, dùng vũ lực hoặc không dùng vũ lực, bằng cách lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm… Tài liệu bí mật công tác bị chiếm đoạt phải đang được cất giữ trong các cơ quan, tổ chức hoặc được giao cho một chủ thể nào đó có trách nhiệm sử dụng, bảo quản, giữ gìn.

Chủ thể của tội phạm là chủ thể thường, có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định. Trong một số trường hợp nhất định, chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn.

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

1. *Tội mua bán tài liệu bí mật công tác*

Người phạm tội có hành vi mua bán tài liệu bí mật công tác, tức là đem tài liệu đó trao đổi với người khác, nhằm thu lợi bằng tiền, tài sản hay lợi ích vật chất khác, hoặc người phạm tội dùng bí mật công tác để thanh toán một loại dịch vụ nào đó. Việc mua bán có thể diễn ra với người trong hoặc ngoài cơ quan, tổ chức. Người bán tài liệu bí mật công tác phải là người có tài liệu hoặc có quyền quản lý, sử dụng tài liệu đó.

Chủ thể của tội phạm là người có trách nhiệm cất giữ, bảo quản tài liệu bí mật công tác. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

1. *Tội tiêu hủy tài liệu bí mật công tác*

Tiêu huỷ tài liệu bí mật công tác là làm cho tài liệu đó hoặc nội dung của tài liệu không còn tồn tại như ban đầu và mất hoàn toàn khả năng khôi phục cũng như giá trị sử dụng. Việc tiêu huỷ tài liệu bí mật công tác có thể được thực hiện bằng hành động như đốt, xé nát, dùng máy hủy tài liệu, dùng hóa chất để tẩy nội dụng được in trên tài liệu, ngâm vào nước… hoặc bằng không hành động như khi có lũ lụt, hỏa hoạn xảy ra đã cố tình không cất giữ, bảo quản tài liệu đó.

Chủ thể của tội phạm có thể là người có trách nhiệm cất giữ, bảo quản tài liệu bí mật công tác hoặc là chủ thể thường. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

Tùy vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức hình phạt thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 07 năm.

**10.Tội vô ý làm lộ bí mật công tác, tội làm mất tài liệu bí mật công tác (Điều 362 BLHS năm 2015)**

* Vô ý làm lộ bí mật công tác là thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài liệu, vô ý làm cho những người không được phép biết đã biết tài liệu bí mật công tác. Người phạm tội đã vi phạm các quy định bảo quản, bảo vệ, sử dụng tài liệu hoặc là do không thận trọng trong việc phát ngôn, tiếp xúc với những người khác mà để lộ tài liệu bí mật công tác cho người khác biết. Các tài liệu bí mật công tác chỉ bị tiết lộ, không bị mất đi nhưng không còn giá trị bí mật.
* Làm mất tài liệu bí mật công tác là làm cho tài liệu bí mật công tác bị lọt ra khỏi sự kiểm soát, bảo vệ của người có trách nhiệm. Việc làm mất tài liệu bí mật công tác có thể do người có trách nhiệm không cẩn thận, vi phạm các quy định về bảo vệ tài liệu bí mật công tác, có thể là bỏ quên, đánh rơi, bị thất lạc…
* Việc vô ý làm lộ bí mật công tác hoặc làm mất tài liệu bí mật công tác phải gây ra hậu quả, có thể là gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, gây thiệt hại về tài sản, để người khác sử dụng thực hiện tội phạm.
* Chủ thể của tội phạm phải là người có chức vụ, quyền hạn, có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo quản tài liệu bí mật công tác. Lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý vì cẩu thả.

**11.Tội đào nhiệm (Điều 363 BLHS năm 2015)**

* Tội đào nhiệm là hành vi cố ý từ bỏ nhiệm vụ công tác của cán bộ, công chức, viên chức gây hậu quả nghiêm trọng cho lợi ích Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
* Chủ thể của tội phạm: phải là cán bộ, công chức, viên chức.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.
* Hành vi cố ý từ bỏ nhiệm vụ công tác được hiểu là: cán bộ, công chức, viên chức được phân công thực hiện nhiệm vụ nhưng tự ý không thực hiện công việc đó. Người phạm tội có thể không thực hiện nhiệm vụ, tự ý rời bỏ nơi đang công tác, cá biệt trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không chấp hành lệnh điều động, thuyên chuyển sang công tác khác hoặc địa điểm khác cũng được coi là từ bỏ nhiệm vụ công tác. Nếu hành vi cố ý từ bỏ nhiệm vụ công tác gây hậu quả nghiêm trọng thì người phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Nếu người phạm tội có hành vi lôi kéo người khác đào nhiệm; gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội trong hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc trong trường hợp khó khăn đặc biệt khác của xã hội thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

* Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**12.Tội đưa hối lộ (Điều 364 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.
* Người phạm tội trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác tiền (Việt Nam đồng hoặc ngoại tệ), tài sản (nhà cửa, nội thất, xe hơi, trang thiết bị…), lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, lợi ích phi vật chất (du lịch, dịch vụ…) để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Phạm tội trong trường hợp này thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Ở đây, lợi ích, yêu cầu của người đưa hối lộ được hiểu là lợi ích của người đưa hối lộ (được tăng lương, khen thưởng, phân nhà, xin việc, xin đi học…), lợi ích của những người thân thích, ruột thịt, bạn bè, người quen biết của người đưa hối lộ (xin việc, xin đi nước ngoài cho con cháu, người thân thích…), cũng như lợi ích của những cơ quan, tổ chức mà người đưa hối lộ là thành viên (để được kí hợp đồng, để được trúng thầu, được tặng thưởng huân huy chương…).

Nếu người phạm tội phạm tội có tổ chức; dùng thủ đoạn xảo quyệt; dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội 02 lần trở lên; của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Nếu phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm. Nếu phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

* Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.
* Người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này.
* Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo (trực tiếp bằng lời nói hoặc qua thư) với người có chức vụ quyền hạn, có thẩm quyền xử lý trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

**13.Tội môi giới hối lộ (Điều 365 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.
* Biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:người phạm tội đóng vai trò trung gian giữa người đưa và người nhận hối lộ với các hình thức cụ thể như:

+) Theo yêu cầu của người muốn nhận hối lộ, người môi giới hối lộ đến gặp người đưa hối lộ để thoả thuận việc làm hoặc không làm một việc cụ thể nào đó, thoả thuận của hối lộ, sau đó chuyển của hối lộ cho người nhận;

+) Theo yêu cầu của người đưa hối lộ, người môi giới hối lộ đến gặp người có chức vụ, quyền hạn để thoả thuận về việc làm hoặc không làm một việc có lợi cho người đưa hối lộ (hoặc người thân của người đưa hối lộ), thoả thuận của hối lộ và thời gian đưa, sau đó chuyển của hối lộ từ người đưa cho người nhận;

+) Theo yêu cầu của cả hai bên, người môi giới hối lộ tạo điều kiện cho các bên gặp nhau để thương lượng, thoả thuận với nhau, rồi sau đó đứng ra nhận của hối lộ của bên đưa để chuyển cho bên nhận.

Phương thức của người môi giới rất đa dạng, có thể là đe dọa, hạch sách người đưa hối lộ, đồng thời khuyến khích, thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn nhận của hối lộ.

* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, người môi giới hối lộ có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù, mức thấp nhất là 06 tháng, mức cao nhất là 15 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.
* Người môi giới hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

**14.Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 366 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm là người có quan hệ và có ảnh hưởng nhất định đối với người có chức vụ, quyền hạn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là tư lợi.
* Về mặt khách quan, tội phạm này thể hiện ở việc dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm.
* Người phạm tội đã dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm. Sự ảnh hưởng có được là từ quan hệ gia đình, quan hệ bạn bè, quan hệ trong công tác hay từ những quan hệ xã hội khác. Hình thức mà người phạm tội thực hiện có thể rất đa dạng: trực tiếp bằng miệng hoặc bằng thư, tin nhắn hoặc qua một đối tượng trung gian khác. Người phạm tội đã lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để nhận trực tiếp hoặc qua trung gian: tiền, tài sản (vàng bạc, đá quý, căn hộ, xe hơi…), lợi ích vật chất khác hoặc lợi ích phi vật chất (sử dụng các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, khen thưởng, tặng thưởng…).
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, người phạm tội có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù, mức thấp nhất là 06 tháng, mức cao nhất là 10 năm. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**VI. CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định tại Chương XXIV Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015 gồm 25 điều luật từ Điều 367 đến Điều 391 với 24 tội danh. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án, gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

**1.Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều 368 BLHS năm 2015)**

* Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội là hành vi của người có thẩm quyền cố ý truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người mà mình biết rõ là không có tội.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có trách nhiệm, quyền hạn trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Đó có thể là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như điều tra viên, kiểm sát viên…
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được việc truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội là xâm hại đến uy tín, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người đó nhưng vẫn cố ý thực hiện.
* Truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội là buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi không thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm. Các trường hợp cụ thể gồm: họ hoàn toàn không thực hiện bất kì một hành vi nào (đương nhiên không có tính nguy hiểm => không thể là tội phạm); họ có thực hiện hành vi trên thực tế nhưng hành vi này không phải là tội phạm (phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, rủi ro trong nghiên cứu khoa học); người này chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết (không bao gồm trường hợp cần tái thẩm đối với người khác).
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 01 năm, cao nhất là 15 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**2.Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 369 BLHS năm 2015)**

* Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội là hành vi của người có thẩm quyền cố ý không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người mà mình biết rõ là có tội.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có trách nhiệm, quyền hạn trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Đó có thể là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như điều tra viên, kiểm sát viên…
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được việc không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội là xâm hại đến những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, không đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xâm phạm đên tính nghiêm minh của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.
* Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội là việc người có thẩm quyền đã không ra quyết định khởi tố bị can, quyết định truy tố bị can bằng bản cáo trạng đối với người đã thực hiện tội phạm và có đủ cơ sở buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 12 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**3.Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 370 BLHS năm 2015)**

* Tội ra bản án trái pháp luật là hành vi của Thẩm phán, Hội thẩm ra bản án mà mình biết rõ là trái pháp luật.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, chỉ có thể là Thẩm phán, Hội thẩm. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Thẩm phán, Hội thẩm biết rất rõ nếu ra bản án trái pháp luật sẽ xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của một hoặc một số chủ thể nhất định nhưng vẫn làm.
* Ra bản án trái pháp luật tức là tại phiên tòa, sau khi tiến hành xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nghị án và ra bản án không đúng quy định của pháp luật. Có thể là bản án thuộc các lĩnh vực hình sự, dân sự, lao động, kinh tế… Tính trái pháp luật của bản án thể hiện ở việc: tuyên bị cáo phạm tội nặng hơn hoặc nhẹ hơn, áp dụng hình phạt nặng hơn hoặc nhẹ hơn so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng sai mức bồi thường, xử lý vật chứng không đúng… Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc ra bản án trái pháp luật như nội dung quyết định trong bản án không phù hợp với tình tiết thực tế của vụ án, tình tiết vụ án là đúng nhưng Thẩm phán, Hội thẩm lại cố tình áp dụng sai quy định của pháp luật. Việc ra bản án trái pháp luật có thể mang lại lợi ích cho một hoặc một số chủ thể nhất định nhưng cũng có thể do trả thù cá nhân của Thẩm phán, Hội thẩm…
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 01 năm, cao nhất là 15 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**4.Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 371 BLHS năm 2015)**

* Tội ra quyết định trái pháp luật là hành vi của người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án ra quyết định mà mình biết rõ là trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản hoặc gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt: phải là người có thẩm quyền trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Ví dụ: Thủ trưởng cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng, Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Giám đốc Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Giám thị trại giam…

- Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội biết rõ quyết định là trái pháp luật nhưng vẫn ban hành.

- Ra quyết định trái pháp luật là việc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kí ban hành quyết định trái pháp luật. Tính trái pháp luật thể hiện ở nội dung của quyết định không phù hợp với sự thật khách quan, không đúng với quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội này không phải là hành vi cấu thành các tội: tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội, tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội, tội ra bản án trái pháp luật, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật, tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù.

* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 12 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**5.Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật (Điều 372 BLHS năm 2015)**

* Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật là hành vi của người lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có chức vụ, quyền hạn và có ảnh hưởng nhất định đến người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.
* Người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà mình đang đảm nhiệm để ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án) làm trái pháp luật. Sự ép buộc thể hiện ở việc lợi dụng quyền hạn mà người đó đang có (cấp trên ép buộc cấp dưới), đe dọa cho thôi việc, đe dọa chuyển công tác. người bị ép buộc mặc dù không muốn thực hiện nhưng vì lo sợ và không còn sự lựa chọn nào khác nên phải làm trái pháp luật (ví dụ hoãn chấp hành án đối với người bị kết án, tha tù trước thời hạn đối với người đang chấp hành án phạt tù… mà không có căn cứ).
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 10 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**6.Tội dùng nhục hình (Điều 373 BLHS năm 2015)**

* Tội dùng nhục hình là hành vi của người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dùng nhục hình, đối xử tàn bạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kì hình thức nào.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, phải là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cụ thể là khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, thi hành biện pháp tư pháp, biện pháp bắt buộc chữa bệnh.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Khi thực hiện tội phạm, người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, có thể xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng vẫn thực hiện.
* Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng dùng nhục hình, đối xử tàn bạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người khác là đã dùng vũ lực hoặc không dùng vũ lực khiến người khác bị đau đớn về mặt thể xác hoặc tinh thần, như dùng vũ lực đánh đập người khác, trói tay chân hoặc dùng gông cùm, dùng thanh sắt nung đỏ áp vào cơ thể người khác khiến họ bị bỏng nặng, đau đớn… hoặc không cần dùng đến vũ lực như bắt quỳ, bỏ đói rồi bày rất nhiều thức ăn ngon trước mặt nhưng không cho ăn… Người phạm tội thực hiện những hành vi này là nhằm mục đích nhất định, có thể buộc người bị áp dụng phải khai báo, phải điểm chỉ, phải tuân theo yêu cầu của bác sĩ, giám thị trại giam…
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 20 năm; tù chung thân.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**7.Tội bức cung (Điều 374 BLHS năm 2015)**

* Tội bức cung là hành vi của người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc.
* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, phải là người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố. Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Đối tượng tác động trực tiếp của hành vi phạm tội là người bị lấy lời khai (người làm chứng, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan…) hoặc là người bị hỏi cung (bị can: người đã bị khởi tố về hình sự).
* Người phạm tội đã cưỡng bức, ép buộc, tác động đến ý chí của người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung để họ phải khai ra thông tin. Phương thức chủ yếu mà người phạm tội sử dụng là đe dọa như dọa đánh, dọa bỏ đói, dọa sẽ buộc tội vợ/chồng, bố mẹ của người đó… hoặc dọa sẽ tiết lộ bí mật đời tư cá nhân. Thông tin mà người bị ép buộc khai báo có thể là sự thật khách quan nhưng cũng có thể không phải sự thật, chỉ là do họ nghĩ ra nhằm đối phó lại sự ép buộc của người có thẩm quyền.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 20 năm; tù chung thân.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**8.Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (Điều 375 BLHS năm 2015)**

* Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc là hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoặc làm hư hỏng tài liệu, vật chứng của vụ án, vụ việc hoặc bằng thủ đoạn khác nhằm làm sai lệch nội dung vụ án, vụ việc.
* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt: là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Người phạm tội đã có hành vi làm sai lệch hồ sơ (có thể là hồ sơ vụ án hình sự, dân sự, kinh tế hoặc là hồ sơ của vụ việc dân sự, hành chính). Làm sai lệch hồ sơ tức là làm cho nội dung của hồ sơ không đúng, không phù hợp với nội dung ban đầu. Người phạm tội có thể làm sai lệch hồ sơ bằng cách:

+) Thêm nội dung: đưa thêm văn bản, giấy tờ vào hồ sơ hoặc viết thêm trực tiếp vào các giấy tờ có sẵn trong hồ sơ;

+) Bớt nội dung: vứt bỏ một số giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ hoặc xóa bớt nội dung có sẵn trong hồ sơ.

+) Sửa đổi tức là tẩy xóa nội dung đang tồn tại trong hồ sơ và viết nội dung khác vào hồ sơ;

+) Đánh tráo hồ sơ là làm một bộ hồ sơ mới thay thế hoàn toàn cho hồ sơ đang có, thay vật chứng khác cho vật chứng đã được thu thập…

+) Hủy hoặc làm hư hỏng tức là đốt, phá, xé, dùng chất hóa học biến đổi tình trạng ban đầu của tài liệu, vật chứng.

* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 01 năm, cao nhất là 15 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**9.Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn (Điều 376 BLHS năm 2015)**

* Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn là hành vi của người được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác, áp giải người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về quản lý, canh gác, áp giải để người thực hiện tội phạm trốn.
* Chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, là người có trách nhiệm, quyền hạn trong việc áp giải, trông coi người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam hay người đang chấp hành án.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý (có thể vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý vì cẩu thả).
* Thiếu trách nhiệm tức là người phạm tội đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định về quản lý, canh gác, áp giải. Ví dụ: buông lỏng kỉ luật, mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm trong khi canh gác (ngủ quên), không khóa cửa buồng giam…
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 10 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**10.Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377 BLHS năm 2015)**

* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Các biểu hiện cụ thể của hành vi phạm tội:

+) Không ra quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của pháp luật: người đó không phạm tội, được miễn trách nhiệm hình sự hoặc được miễn hình phạt; bị xử phạt bằng các hình phạt không phải là hình phạt tù; bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo; thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian đã bị tạm giam; người chấp hành án đã chấp hành xong bản án hoặc đang chấp hành án nhưng được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

+) Ra lệnh, quyết định bắt, giữ, giam người không có căn cứ theo quy định của pháp luật: người có thẩm quyết đã kí ban hành các quyết định này nhưng lại không đủ cơ sở pháp lý.

+) Không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật: tức là đã có quyết định trả tự do nhưng người có trách nhiệm, quyền hạn lại cố tình không trả tự do cho người đó, vẫn tiếp tục hành vi giam giữ.

+) Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành, ví dụ: nếu bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì cần có lệnh của người có thẩm quyền, trong một số trường hợp, lệnh này phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành nhưng người tiến hành bắt đã thực hiện việc bắt mà không có lệnh hoặc có lệnh nhưng lệnh này chưa được Viện kiểm sát phê chuẩn.

+) Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn: trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để tiến hành kiểm tra, xác minh, điều tra tội phạm nhưng người có thẩm quyền lại không ra lệnh, quyết định gia hạn; hoặc xét thấy không cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn nhưng người có thẩm quyền lại không hủy bỏ…

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 12 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**11.Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù (Điều 378 BLHS năm 2015)**

* Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền tha trái pháp luật người bị bắt, người đnag bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn trong việc tha người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù như Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Giám thị trại giam…
* Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền để tha trái pháp luật là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vị trí mình đang đảm nhiệm hoặc lạm quyền (vượt quáquyền hạn mà pháp luật cho phép) để tha người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án. Đây đều là những trường hợp ra quyết định tha nhưng không đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 10 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**12.Tội không thi hành án (Điều 379 BLHS năm 2015)**

* Tội không thi hành án là hành vi của người có thẩm quyền cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có thẩm quyền ra quyết định thi hành án (Chánh án Tòa án) hoặc là người có trách nhiệm thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
* Hành vi khách quan của tội này là hành vi không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành bản án, quyết định.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì phải được thi hành nhằm bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Những chủ thể có thẩm quyền phải ban hành quyết định thi hành án, những chủ thể có trách nhiệm thi hành án phải thực hiện nhiệm vụ của mình. Người phạm tội không thi hành án đã không thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ nêu trên (không hành động) đã dẫn đến những hậu quả như: người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn;hết thời hiệu thi hành án;người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 10 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**13.Tội không chấp hành án (Điều 380 BLHS năm 2015)**

* Tội không chấp hành án là hành vi của người có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là những chủ thể chịu sự tác động, ảnh hưởng trực tiếp bởi bán án như người bị kết án, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự…
* Hành vi khách quan của tội phạm là không chấp hành án mặc dù có điều kiện để chấp hành, đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc xử phạt hành chính.

Khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tức là các chủ thể có liên quan phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình, nếu các chủ thể này có điều kiện mà không chấp hành thì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc không chấp hành đó. Ví dụ: người bị kết án không thuộc các trường hợp được hoãn chấp hành án phạt tù thì buộc phải chịu sự giam giữ tập trung tại một trại giam nhất định nhưng lại cố tình trốn tránh hoặc có điều kiện về tài chính mà không thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại. Tuy nhiên, người không chấp hành án chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này nếu có điều kiện mà không thực hiện, đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 05 năm.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**14.Tội cản trở việc thi hành án (Điều 381 BLHS năm 2015)**

* Tội cản trở việc thi hành án là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án.
* Chủ thể tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.
* Hành vi khách quan của tội này là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà họ có để cản trở việc ra quyết định thi hành án của người có thẩm quyền, cản trở người có thẩm quyền thực thi quyết định thi hành án, cản trở người bị kết án chấp hành án. Người phạm tội có thể dùng nhiều thủ đoạn khác nhau để tác động, gây cản trở việc thi hành án như: gặp trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, viết thư… cho người có thẩm quyền và gây khó khăn cho những người này trong việc ra quyết định, thi hành bản án. Hoặc người phạm tội có thể tạo điều kiện cho người bị kết án có lí do để tạm hoãn chấp hành hình phạt như đi công tác, đi tào tạo, bồi dưỡng ở ngước ngoài…; thông báo cho người bị kết án biết để bỏ trốn, tẩu tán tài sản…

Những hậu quả của tội phạm có thể là dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn; hết thời hiệu thi hành án;người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 đồng trở lên; gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, người phạm tội thực hiện tội phạm có thể vì mục đích tư lợi hoặc vì quan hệ công tác, quan hệ tình cảm.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 05 năm.Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm.

**15.Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối (Điều 382 BLTTHS năm 2015)**

* Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối là hành vi của người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa đã kết luận, dịch, khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt gồm người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa.
* Hành vi khách quan của tội phạm gồm:

+) Kết luận gian dối: khi thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định trưng cầu giám định để các cơ quan có chuyên môn tiến hành giám định, đưa ra kết luận. Kết luận giám định là nguồn chứng cứ rất quan trọng giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Việc kết luận giám định gian dối có thể được thực hiện bởi một hoặc nhiều người giám định, kết luận đó không phản ánh đúng thực tế khách quan dẫn đến cơ quan có thẩm quyền không đủ căn cứ để đưa ra cách giải quyết vụ án hoặc giải quyết sai.

+) Dịch gian dối: nếu trong quá trình giải quyết vụ án mà có người không sử dụng được tiếng Việt hoặc có tài liệu không được thể hiện bằng tiếng Việt thì phải có người phiên dịch, người dịch thuật. Người phiên dịch, người dịch thuật có nghĩa vụ phải dịch trung thực tất cả các thông tin, tài liệu từ ngôn ngữ khác sang tiếng Việt. Nếu họ dịch gian dối sẽ ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

+) Khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật: người làm chứng có nghĩa vụ phải khai báo trung thực tất cả thông tin mà họ biết về vụ án, lời khai của người làm chứng có ý nghĩa rất quan trọng nên yêu cầu đặt ra đối với họ là phải khai một cách chi tiết, trung thực, phải nói được vì sao họ lại biết tình tiết đó. Nếu người làm chứng khai gian dối, cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật hoặc người bào chữa vì muốn bảo vệ cho thân chủ của mình nên đã cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật thì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự vì đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**16.Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu (Điều 383 BLHS năm 2015)**

* Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu là hành vi của người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng.
* Chủ thể của tội phạm: là chủ thể đặc biệt, là người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật.
* Mặt khách quan của tội phạm:

+) Từ chối khai báo là việc người làm chứng mặc dù đã có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, có thể là yêu cầu bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng miệng nhưng đã không khai báo những thông tin mà họ biết về vụ án;

+) Trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản: khi được cơ quan có thẩm quyền trưng cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản thì các chủ thể có nghĩa vụ phải thực hiện đã trốn tránh việc giám định, định giá tài sản bằng cách đưa ra các lí do để không thực hiện.

+) Từ chối cung cấp tài liệu: chủ thể có tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án, mặc dù đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nhưng không tiết lộ thông tin, không giao nộp tài liệu đó.

Các hành vi từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu đều không có lí do chính đáng.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 01 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 01 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**17.Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384 BLHS năm 2015)**

* Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu là hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc.
* Chủ thể của tội phạm có thể là bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.
* Hành vi khách quan của tội phạm:

+) Mua chuộc là thủ đoạn người phạm tội đã dùng tiền, tài sản (vàng bạc, đá quý, nhà, xe ô tô), lợi ích vật chất khác (khám chữa bệnh miễn phí, đi du lịch miễn phí) hoặc lợi ích tinh thần (được khen, tặng thưởng, nhận huân huy chương) để đổi lấy việc người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu, người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc.

+) Cưỡng ép là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác (đe dọa: dọa đuổi việc, kỉ luật, chuyển công tác…) buộc người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu, người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 07 năm.

**18.Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 385 BLHS năm 2015)**

* Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản là hành vi phá hủy niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền; tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản bị kê biên của người được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa.
* Chủ thể tội phạm: là chủ thể đặc biệt, gồm người được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa.
* Hành vi khách quan của tội phạm:

+) Phá hủy niêm phong: khi vật chứng của vụ án đã được niêm phong thì việc mở niêm phong đó cũng phải theo quy định của pháp luật. Người có hành vi phá hủy niêm phong là đã bóc, xé, cạy phá, tháo dỡ làm rách niêm phong, bao bì niêm phong, làm đứt hoặc dỡ bỏ kẹp chì dẫn đến vật chứng bị niêm phong không còn nguyên vẹn như ban đầu.

+) Giải tỏa việc phong tỏa tài khoản: khi tài khoản bị phong tỏa tức là không thể thực hiện các giao dịch thông qua tài khoản, khi việc phong tỏa được giải tỏa thì các giao dịch có thể tiến hành bình thường. Nếu việc giải tỏa bất hợp pháp sẽ dẫn đến thất thoát tiền trong tài khoản.

+) Tiêu dùng tài sản bị kê biên: đưa tài sản đó vào sử dụng trên thực tế.

+) Chuyển nhượng: mang tài sản bị kê biên bán cho người khác để lấy tiền hoặc đổi lấy tài sản khác, tặng, cho người khác…

+) Đánh tráo: thay tài sản bị kê biên bằng một tài sản khác có bề ngoài giống hoặc tương tự tài sản bị kê biên.

+) Cất giấu: mang tài sản bị kê biên đến một nơi mà họ cho là bí mật, không ai có thể phát hiện được như cất vào nhà kho, chôn xuống đất…

+) Hủy hoại: có thể hủy hoại tài sản bị kê biên bằng cách đốt, đập phá, ném xuống nước, dùng hóa chất… dẫn đến tài sản đó bị mất hoàn toàn trên thực tế, mất đi giá trị sử dụng và giá trị chứng minh.

Hậu quả của hành vi phạm tội là dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch; bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 100.000.000 đồng trở lên.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**19.Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (Điều 386 BLHS năm 2015)**

* Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử là hành vi bỏ trốn của người đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù.
* Chủ thể của tội phạm: là người đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù.

+) Người bị tạm giữ là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong

trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ.

+) Người đang bị tạm giam: lúc này họ có tư cách bị can hoặc bị cáo. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xét thấy cần tạm giam họ để phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

+) Người đang bị áp giải có thể là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Áp giải là việc đưa các chủ thể này di chuyển đến một nơi khác nhưng có sự quản lý, giám sát cahwtj chẽ của các lực lượng chức năng.

+) Người đang bị xét xử: lúc này họ có tư cách bị cáo, đang bị xét xử tại Tòa án.

+) Người đang chấp hành án phạt tù: là người bị kết án phạt tù mà bản án đối với họ đã có hiệu lực pháp luật và họ đang chấp hành án tại trại giam.

* Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi bỏ trốn: trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử. Người phạm tội đã rời khỏi địa điểm, sự quản lý của người có thẩm quyền một cách lén lút, có thể lừa dối, mua chuộc hoặc dùng vũ lực để bỏ trốn.
* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 10 năm.

**20.Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù (Điều 387 BLHS năm 2015)**

* Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tùlà hành vi giải thoát cho người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù một cách trái pháp luật.
* Chủ thể tội phạm: có thể là bất kì người nào, trong một số trường hợp có thể là người có chức vụ, quyền hạn.
* Hành vi khách quan của tội phạm là hành vi giải thoát một cách trái pháp luật cho người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù, các thủ đoạn người phạm tội sử dụng có thể là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, mua chuộc, dụ dỗ…

Nếu phạm tội có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người áp giải; đánh tháo người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc người bị kết án tử hình thì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn.

* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 02 năm, cao nhất là 12 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**21.Tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388 BLHS năm 2015)**

* Tội vi phạm quy định về giam giữlà hành vi vi phạm quy định của pháp luật về giam giữ, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.
* Chủ thể của tội phạm: là bất kì người nào, có thể là người đang bị giam giữ, người làm việc tại nơi giam giữ hoặc người khác.
* Hành vi khách quan của tội phạm:

+) Gây rối hoặc chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong quản lý giam giữ: đánh nhau, tụ tập đông người la hét, đập phá tài sản ở nơi giam giữ hoặc cố tình không làm theo mệnh lệnh của người có thẩm quyền.

+) Không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam giữ: tự ý mang vào, cất giữ, sử dụng tại nơi giam giữ điện thoại, máy ghi âm, máy chụp ảnh, máy quay phim...

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm cư trú từ 01 năm đến 03 năm, cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 03 năm.

**22.Tội che giấu tội phạm (Điều 389 BLHS năm 2015)**

Tội che giấu tội phạm là hành vi của người không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này:

* Các điều 108, 109, 110, 111, 1 12, 113, 1 14, 115, 116, 117, 118, 119, 120 và 121;
* Điều 123, các khoản 2, 3 và 4 Điều 141, Điều 142, Điều 144, khoản 2 và khoản 3 Điều 146, các khoản 1, 2 và 3 Điều 150, các điều 151, 152, 153 và 154;
* Điều 168, Điều 169, các khoản 2, 3 và 4 Điều 173, các khoản 2, 3 và 4 Điều 174, các khoản 2, 3 và 4 Điều 175, các khoản 2, 3 và 4 Điều 178;
* Khoản 3 và khoản 4 Điều 188, khoản 3 Điều 189, khoản 2 và khoản 3 Điều 190, khoản 2 và khoản 3 Điều 191, khoản 2 và khoản 3 Điều 192, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 193, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 194, các khoản 2, 3 và 4 Điều 195, khoản 2 và khoản 3 Điều 196, khoản 3 Điều 205, các khoản 2, 3 và 4 Điều 206, Điều 207, Điều 208, khoản 2 và khoản 3 Điều 219, khoản 2 và khoản 3 Điều 220, khoản 2 và khoản 3 Điều 221, khoản 2 và khoản 3 Điều 222, khoản 2 và khoản 3 Điều 223, khoản 2 và khoản 3 Điều 224;
* Khoản 2 và khoản 3 Điều 243;
* Các điều 248, 249, 250, 251, 252 và 253, khoản 2 Điều 254, các điều 255, 256, 257 và 258, khoản 2 Điều 259;
* Các khoản 2, 3 và 4 Điều 265, các điều 282, 299, 301, 302, 303 và 304, các khoản 2, 3 và 4 Điều 305, các khoản 2, 3 và 4 Điều 309, các khoản 2, 3 và 4 Điều 311, khoản 2 và khoản 3 Điều 329;
* Các khoản 2, 3 và 4 Điều 353, các khoản 2, 3 và 4 Điều 354, các khoản 2, 3 và 4 Điều 355, khoản 2 và khoản 3 Điều 356, các khoản 2, 3 và 4 Điều 357, các khoản 2, 3 và 4 Điều 358, các khoản 2, 3 và 4 Điều 359, các khoản 2, 3 và 4 Điều 364, các khoản 2, 3 và 4 Điều 365;
* Khoản 3 và khoản 4 Điều 373, khoản 3 và khoản 4 Điều 374, khoản 2 Điều 386;
* Các điều 421, 422, 423, 424 và 425.

Hành vi che giấu được hiểu là đã chứa chấp người phạm tội trong nhà mình, tìm địa điểm cho người phạm tội lẩn trốn; xóa, làm thay đổi các dấu vết của tội phạm; cất giấu, hủy hoại hoặc làm biến dạng công cụ, phương tiện mà người phạm tội đã sử dụng; cất giấu, bán, chuyển nhượng tài sản do phạm tội mà có…

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.

Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 07 năm.

**23. Tội không tố giác tội phạm (Điều 390 BLHS năm 2015)**

- Tội không tố giác tội phạm là hành vi của người biết rõ một trong các tội phạm quy định tại Điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303, 324 đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 (tội che giấu tội phạm đã nêu ở trên) của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, trừ trường hợp gười không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

- Không tố giác tức là không khai báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết về hành vi phạm tội.

- Lỗi của người phạm tọi là lỗi cố ý.

- Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 03 năm. Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.

**24.** **Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp (Điều 391 BLHS năm 2015)**

- Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp là hành vi thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài sản, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 178 của Bộ luật này (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản).

- Chủ thể tội phạm: có thể là bất kì người nào.

- Hành vi khách quan của tội phạm:

+) Hành vi thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm người khác: có những lời lẽ, hành vi khiếm nhã (ném đồ đạc vào người khác).

+) Hành vi đập phá tài sản: dùng tay chân hoặc có công cụ hỗ trợ nhằm đập phá, phá hoại tài sản, cơ sở vật chất tại phòng họp, phòng xử án.

* Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý.
* Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, người phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù có thời hạn, mức thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 03 năm.

1. Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ Công An, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999 [↑](#footnote-ref-2)
2. Khoản 4 Điều 2 Luật phòng chống ma tuý [↑](#footnote-ref-3)